

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2020/HS-ST**

Ngày: 03-02-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Mút.

Ông Nguyễn Văn Chót.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Ánh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2019/TLST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3160/2019/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 12 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Mai Văn N, sinh năm 1996 tại huyện P, tỉnh Bến Tre; Tên gọi khác: không; nơi cư trú: Số 105/1 ấp TH, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: lớp 07/12; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; con ông Mai Văn B (chết), con bà Đào Thị S, sinh năm 1963 (sống); bị cáo chưa có vợ; bị cáo có 05 anh chị em ruột người lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1995. Về nhân thân: Từ nhỏ sống chung với gia đình, đi học đến lớp 7 nghỉ học. Năm 2015, đi nghĩa vụ quân sự tại Quân đoàn 4 - Củ Chi – Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2016, xuất ngũ về địa phương sinh sống cho đến ngày phạm tội; Tiền án, Tiền sự: Không;

Bị cáo đang chấp hành biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Lê Trường A, sinh năm 1994 tại tỉnh Bến Tre; Tên gọi khác: không; nơi cư trú: ấp AL, xã AT, huyện BT, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm biển; trình độ học vấn: lớp 09/12; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; con ông Lê Thành S, sinh năm 1966 (sống), con bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1967 (sống); Họ tên vợ: Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1996; Bị cáo có 01 người con, sinh năm 2019. Về nhân thân: Từ nhỏ sống chung với gia đình, đi học đến lớp 9 nghỉ học. Ngày 24/5/2013, bị Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục thời hạn 18 tháng, về hành vi đánh nhau, gây mất trật tự, ngày 28/8/2014 chấp hành xong. Ngày

25/5/2016, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, ngày 30/9/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre xử phạt 06 tháng tù, về tội Trộm cắp tài sản, ngày 28/4/2017 chấp hành xong; Ngày 18/01/2019, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, ngày 19/8/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre xử phạt 02 năm tù. Hiện bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Châu Bình.

- Tiền sự: Có 01 tiền sự về hành vi: Đánh nhau, gây mất trật tự.

- Tiền án: Có 02 tiền án, thể hiện tại Bản án số: 49/2016/HS-ST ngày 30/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri và Bản án số: 22/2019/HS-ST ngày 19/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Châu Bình ở xã Châu Bình, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Mai Văn H, sinh năm 1995. Địa chỉ: số 105/1 ấp TH, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

- *Người làm chứng*:

+ Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1997. Địa chỉ: số 66/4 ấp TTB, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

- *Người chứng kiến*:

+ Nguyễn Văn Nguyễn, sinh năm 1960. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bùi Văn Phong, sinh năm 1976. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: ấp TTB, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre.

+ Lê Minh Dũng, sinh năm 1969. Vắng mặt.

+ Thái Văn Tèo, sinh năm 1983. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: ấp TH, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 21/9/2019, bị cáo Mai Văn N điều khiển xe mô tô biển số 71C3-35280 chở Nguyễn Văn K đi đến xã AHT, huyện BT, tỉnh Bến Tre để thăm chị Nguyễn Thị Cẩm T (bạn của K) - do Tiên mới sinh em bé. Trong lúc, N và K ngồi nói chuyện với Lê Trường A (chồng của T) thì N nảy sinh ý định mua ma túy để sử dụng nên đưa cho A số tiền 1.500.000 đồng nhờ mua ma túy giùm N. A lấy tiền và điều khiển xe mô tô của N đi đến khu vực XH thuộc xã PL, huyện BT, tỉnh Bến Tre mua ma túy của một người phụ nữ (chưa xác định được nhân thân, địa chỉ) với số tiền là 1.500.000 đồng. Mua được ma túy, A xin người bán ma túy số tiền 20.000 đồng để mua dụng cụ sử dụng ma túy. Sau đó, A đem ma túy và dụng cụ sử dụng ma túy về đưa cho N cất giấu. N, K và A cùng đến quán nước giải khát Yến N (gần nhà T) để sử dụng ma túy. Đến nơi, N lấy ra một ít ma túy sử dụng với cùng A và K. Phần ma túy còn lại, N cất giấu vào khẩu trang y tế đang đeo và chở K đi về nhà. Vào hồi 14 giờ 20 phút khi về đến khu vực cầu Vàm Rỗng, ấp TTB, xã TH, huyện P thì bị lực lượng

tuần tra của Đoàn Biên phòng Cổ Chiên chặn lại kiểm tra. Lúc này, N tháo khẩu trang y tế đang đeo vứt xuống mặt đường. Tổ tuần tra của Đoàn Biên phòng Cổ Chiên phối hợp với Công an xã TH, huyện P tiến hành bắt quả tang Mai Văn N, về hành vi: Tàng trữ trái phép chất ma túy, vật chứng được thu giữ gồm: 01 (một) bịch nylon được hàn kín, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng (nghĩ là ma túy) được thu bên trong lớp khẩu trang y tế màu xám (được niêm phong ký hiệu số 01), 02 đoạn ống thủy tinh, 02 đoạn ống nhựa màu trắng cam và trắng đỏ (là dụng cụ sử dụng ma túy).

Thực hiện Lệnh khám xét khẩn cấp vào hồi 17 ngày 21/9/2019 tại chỗ ở của Mai Văn N thu giữ được: 01 (một) bình tự chế có chiều cao 13cm, phía trên có nắp đậy bằng nhựa màu đỏ, trên miệng nắp có gắn 01 nỏ thủy tinh hình mỏ vịt dài 07cm; 01 (một) đoạn ống nhựa màu hồng dài 25cm, được thu tại vị trí giường ngủ của N đặt ở phía trong góc trái của ngôi nhà (tính từ cửa chính đi vào).

Tại Kết luận giám định số: 114/2019/GĐMT ngày 22/9/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bến Tre kết luận: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) bịch nylon được niêm phong trong phong bì gửi giám định là ma túy, loại: Methamphetamine, khối lượng: 1,4537 gam. Hoàn lại mẫu vật sau giám định đã được niêm phong có khối lượng 1,3428 gam.

Vật chứng trong vụ án đã thu giữ gồm: 01 (một) phong bì niêm phong có ký hiệu 01 là ma túy loại Methamphetamine đã thu giữ do bị cáo tàng trữ trái phép (sau giám định niêm phong ký hiệu 114/2019/GĐMT có chữ ký ghi tên Phan Trung T, Nguyễn Văn T1 và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre); 01 (một) khẩu trang y tế màu xám có chữ “BAO AN”, một bên có dây đeo, một bên không có dây đeo, phía trong khẩu trang bị xé thủng lỗ ở giữa; 02 (hai) đoạn ống thủy tinh (01 ống thẳng dài 20cm, 01 ống hình cong dài 13cm); 02 (hai) đoạn ống nhựa màu trắng cam, trắng đỏ (loại ống hút nước); 01 (một) bình tự chế có chiều cao 13cm, phía trên có nắp đậy bằng nhựa màu đỏ, trên miệng nắp có gắn 01 nỏ thủy tinh hình mỏ vịt dài 07cm; 01 (một) đoạn ống nhựa màu hồng dài 25cm; 01 (một) điện thoại di động màu trắng xanh hiệu M-Power e 2202 Duos; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter 150, màu đen cam, biển số 71C3-352.80; Tiền Việt Nam: 1.700.000 đồng (Một triệu bảy trăm ngàn đồng).

Đối với vật chứng đã thu giữ xác định được: 01 (một) xe mô tô biển số 71C3-352.80 là của anh Mai Văn H (anh của N). Ngày 21/9/2019, H cho N mượn xe mô tô đi công chuyện, việc N dùng xe vào việc phạm tội H không biết; Đối với 01 (một) điện thoại di động màu trắng xanh hiệu M-Power e 2202 Duos

là của bị cáo N, không liên quan đến vụ án. Do đó, Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng, trả lại xe mô tô biển số 71C3-352.80 cho anh Hiếu, trả lại điện thoại di động có đặc điểm nêu trên cho bị cáo N. Các đồ vật, tài sản còn lại hiện đang tạm giữ.

Tại bản cáo trạng số 44/CT-VKS, ngày 30-11-2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú đã truy tố bị cáo Mai Văn N về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); truy tố bị cáo Lê Trường A về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quan điểm cáo trạng đã truy tố và đề nghị:

Áp dụng điểm c, khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Mai Văn N từ 01 năm đến 02 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án;

Áp dụng điểm o, khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Lê Trường A từ 05 năm đến 06 năm tù. Đồng thời đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo theo bản án số 22/2019/HS-ST, ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Thời hạn tù tính từ ngày 16/10/2019.

Về áp dụng hình phạt bổ sung: do hiện tại các bị cáo hiện đang sống chung với cha mẹ, không có thu nhập ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về áp dụng biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: căn cứ vào Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử các vấn đề sau:

- Ghi nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Phú đã trao trả 01 (một) điện thoại di động màu trắng xanh hiệu M-Power e 2202 Duos cho Mai Văn N và 01 (một) xe mô tô biển số 71C3-352.80 cho anh Mai Văn Hiếu theo Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 49 ngày 04 tháng 11 năm 2019.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong có ký hiệu 01 là ma túy loại Methamphetamine đã thu giữ do bị can tàng trữ trái phép (sau giám định niêm phong ký hiệu 114/2019/GĐMT có chữ ký ghi tên Phan Trung T, Nguyễn Văn T1 và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre); 01 (một) khẩu trang y tế màu xám có chữ “BAO AN”, một bên có dây đeo, một bên không có dây đeo, phía trong khẩu trang bị xé thủng lỗ ở giữa; 02 (hai)

đoạn ống thủy tinh (01 ống thẳng dài 20cm, 01 ống hình cong dài 13cm); 02 (hai) đoạn ống nhựa màu trắng cam, trắng đỏ (loại ống hút nước); 01 (một) bình tự chế có chiều cao 13cm, phía trên có nắp đậy bằng nhựa màu đỏ, trên miệng nắp có gắn 01 nỏ thủy tinh hình mỏ vịt dài 07cm.

Đối với số tiền 1.700.000 đồng (Một triệu bảy trăm ngàn đồng) do không phải là tài sản bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên giao trả lại cho bị cáo N.

Vật chứng trên hiện đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú theo Quyết định chuyển vật chứng số 26/QĐ-VKS ngày 15-11-2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú.

Đối với Nguyễn Văn K có đi chung xe với N nhưng Khởi không đồng phạm đối với hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của N. Qua kiểm tra phát hiện Khởi có sử dụng trái phép chất ma túy nên Đoàn Biên phòng Cổ Chiên đã ra Quyết định xử phạt vi phạm chính đối với Khởi.

Đối với người phụ nữ bán ma túy cho A, quá trình điều tra không xác định được nhân thân, địa chỉ nên sẽ xác minh làm rõ, xử lý sau.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Mai Văn N và Lê Trường A khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện giống như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với các bị cáo; thừa nhận hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, đồng ý với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nên không tranh luận.

Các bị cáo nói lời sau cùng là xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thạnh Phú, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Mai Văn N và Lê Trường A thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo; lời khai nhận tội của bị cáo là hoàn toàn phù hợp với lời khai của người chứng kiến, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ

án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 10 giờ ngày 21/9/2019, tại khu vực xã An Hòa Tây, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, Mai Văn N nhờ Lê Trường A mua ma túy với số tiền 1.500.000 đồng nhằm mục đích sử dụng trái phép. Sau khi mua ma túy của một người phụ nữ (chưa xác định được nhân thân, địa chỉ), A đưa cho N cất giấu trái phép 1,4537 gam ma túy, loại Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng cho bản thân thì bị phát hiện, bắt quả tang. Vì vậy, bản Cáo trạng số 44/CT-VKS, ngày 30-11-2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú đã truy tố bị cáo Mai Văn N về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); truy tố bị cáo Lê Trường A về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo Mai Văn N đã vi phạm vào điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...;

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;”.

[4] Hành vi của bị cáo Lê Trường A đã vi phạm vào điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

...;

o) Tái phạm nguy hiểm”.

[5] Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo: hành vi của các bị cáo mang tính chất nghiêm trọng, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của nhà nước đối với chất ma túy, làm ảnh hưởng đến sức khỏe của bản thân các bị cáo mà còn ảnh hưởng lớn đến trật tự trị an tại địa phương, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân về tệ nạn xã hội nói chung và tệ nạn ma túy nói riêng. Mặt khác các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên phải gánh chịu trách nhiệm hình sự đối với hậu quả do hành vi của các bị cáo đã trực tiếp gây ra.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo N và bị cáo An không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra và tại tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo N là bộ đội xuất ngũ và có ông ngoại là liệt sĩ nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[8] Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: căn cứ vào tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù bị cáo Mai Văn N không có tiền án, tiền sự nhưng bị cáo có vai trò chính trong việc đưa tiền cho bị cáo A đi mua ma túy về cùng sử dụng. Đối với bị cáo Lê Trường A là người có nhân thân xấu, cụ thể bị cáo có 01 tiền sự về hành vi đánh nhau, gây mất trật tự và 02 tiền án về tội trộm cắp tài sản nhưng không biết cải sửa mà còn tiếp tục phạm tội. Do đó, cần phải áp dụng một hình phạt tù thật nghiêm khắc, phải cách ly bị cáo N và bị cáo A ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức cải tạo giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời góp phần phòng ngừa chung cho cộng đồng. Đồng thời đối với bị cáo Lê Trường A cần áp dụng dụng khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo theo bản án số 22/2019/HS-ST, ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

[9] Về áp dụng hình phạt bổ sung: do các bị cáo đang sống chung với gia đình không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Về áp dụng biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Cần tuyên tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì niêm phong có ký hiệu 01 là ma túy loại Methamphetamine đã thu giữ do bị cáo tàng trữ trái phép (sau giám định niêm phong ký hiệu 114/2019/GĐMT có chữ ký ghi tên Phan Trung T, Nguyễn Văn T1 và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre); 01 (một) khẩu trang y tế màu xám có chữ “BAO AN”, một bên có dây đeo, một bên không có dây đeo, phía trong khẩu trang bị xé thủng lỗ ở giữa; 02 (hai) đoạn ống thủy tinh (01 ống thẳng dài 20cm, 01 ống hình cong dài 13cm); 02 (hai) đoạn ống nhựa màu trắng cam, trắng đỏ (loại ống hút nước); 01 (một) bình tự chế có chiều cao 13cm, phía trên có nắp đậy bằng nhựa màu đỏ, trên miệng nắp có gắn 01 nỏ thủy tinh hình mỏ vịt dài 07cm; 01 (một) đoạn ống

nhựa màu hồng dài 25cm. Vật chứng trên hiện đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú Quyết định chuyển vật chứng số 26/QĐ-VKS ngày 15-11-2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú.

Việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạnh Phú đã trao trả 01 (một) điện thoại di động màu trắng xanh hiệu M-Power e 2202 Duos cho Mai Văn N và 01 (một) xe mô tô biển số 71C3-352.80 cho anh Mai Văn Hiếu theo Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 49 ngày 04 tháng 11 năm 2019 là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với số tiền 1.700.000 đồng (Một triệu bảy trăm ngàn đồng) do không phải là tài sản bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên cần tuyên giao trả lại cho bị cáo Mai Văn N.

[11] Đối với Nguyễn Văn K có đi chung xe với bị cáo N có sử dụng trái phép chất ma túy nên Đoàn Biên phòng Cổ Chiên đã ra Quyết định xử phạt vi phạm chính đối với K nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[12] Đối với người phụ nữ bán ma túy cho A, quá trình điều tra không xác định được nhân thân, địa chỉ nên sẽ xác minh làm rõ, xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[13] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c, khoản 1 Điều 249; điểm s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: Bị cáo Mai Văn N phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Mai Văn N 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Căn cứ vào điểm o, khoản 2 Điều 249; điểm s, khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: bị cáo Lê Trường A phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Lê Trường A 05 (năm) năm tù.

Căn cứ khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), tổng hợp hình phạt 02(hai) năm tù tại bản án số 22/2019/HS-ST, ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Buộc bị cáo Lê Trường A phải chấp hành hình phạt chung là 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/10/2019.

Về áp dụng hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về áp dụng biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì niêm phong có ký hiệu 01 là ma túy loại Methamphetamine đã thu giữ do bị cáo tàng trữ trái phép (sau giám định niêm phong ký hiệu 114/2019/GĐMT có chữ ký ghi tên Phan Trung T, Nguyễn Văn T1 và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre); 01 (một) khẩu trang y tế màu xám có chữ “BAO AN”, một bên có dây đeo, một bên không có dây đeo, phía trong khẩu trang bị xé thủng lỗ ở giữa; 02 (hai) đoạn ống thủy tinh (01 ống thẳng dài 20cm, 01 ống hình cong dài 13cm); 02 (hai) đoạn ống nhựa màu trắng cam, trắng đỏ (loại ống hút nước); 01 (một) bình tự chế có chiều cao 13cm, phía trên có nắp đậy bằng nhựa màu đỏ, trên miệng nắp có gắn 01 nõ thủy tinh hình mỏ vịt dài 07cm; 01 (một) đoạn ống nhựa màu hồng dài 25cm. Vật chứng trên hiện đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú theo Quyết định chuyển vật chứng số 26/QĐ-VKS ngày 15-11-2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú.

Ghi nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạnh Phú đã trao trả 01 (một) điện thoại di động màu trắng xanh hiệu M-Power e 2202 Duos cho Mai Văn N và 01 (một) xe mô tô biển số 71C3-352.80 cho anh Mai Văn H theo Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 49 ngày 04 tháng 11 năm 2019.

Giao trả cho bị cáo Mai Văn N số tiền 1.700.000 đồng (Một triệu bảy trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0003170 ngày 06/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đối với Nguyễn Văn K có đi chung xe với bị cáo N có sử dụng trái phép chất ma túy nên Đoàn Biên phòng Cổ Chiên đã ra Quyết định xử phạt vi phạm chính đối với Khởi nên không xem xét giải quyết.

Đối với người phụ nữ bán ma túy cho A, quá trình điều tra không xác định được nhân thân, địa chỉ nên sẽ xác minh làm rõ, xử lý sau.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 tháng 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án buộc bị cáo Mai Văn N và bị cáo Lê Trường A mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

4. Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày tính từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Công an huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Huỳnh Thị Phê

